

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST
Ngày 18/01/2024
V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Đặng Thị Thảo Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Trung Thành

Bà Âu Thị Ngọc Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Công Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 647/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa 176/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thanh S**, sinh năm 1963 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 3, ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Ông **Bùi Văn T**, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã A, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 13/7/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thanh S trình bày: Sau thời gian tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình nên bà và ông Bùi Văn T tiến tới hôn nhân năm 1992, có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Hữu, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/10/1992. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cãi nhau nên bà và ông T đã sống ly thân từ đó đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Con chung: Ông bà có 01 con chung tên Bùi Thế H, sinh ngày 02/12/1993, đã thành niên và lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Bùi Văn T đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của Bà S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà S có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, nên đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông T đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn. Bà S cũng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt Bà S, ông T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà S và ông T xác lập quan hệ hôn nhân năm 1992 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Hữu, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, giấy chứng nhận kết ngày 16/10/1992 nên là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân Bà S yêu cầu ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cãi nhau nên bà và ông T đã sống ly thân từ tháng 9/2022 đến nay. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án Bà S cương quyết ly hôn, vì vợ chồng không còn tình cảm, hôn nhân không hạnh phúc, còn ông T đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của Bà S, điều này chứng tỏ ông T cũng không muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, do đó yêu cầu ly hôn của Bà S là có cơ sở chấp nhận.

[3] Con chung: Ông bà có 01 con chung tên Bùi Thế H, sinh ngày 02/12/1993, đã thành niên và lao động được nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Bà S trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà S phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Quyền kháng cáo: Bà S và ông T được quyền kháng cáo theo qui định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thanh S.

1. Quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thanh S được ly hôn với ông Bùi Văn T.

2. Án phí: Bà Lê Thanh S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Bà Lê Thanh S là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

3. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND Cái Bè;
- CCTHADS Cái Bè;
- UBND xã An Hữu, H. Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Thảo Lan